

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM VÀ CỘNG HOÀ BALAN
Ngày 31 tháng 08 năm 1994

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những đầu tư của nhà đầu tư của Nhà nước này trên lãnh thổ của Nhà nước kia và nhận thấy sự khuyến khích và bảo hộ đầu tư phù hợp với Hiệp định này sẽ thúc đẩy những sáng kiến kinh doanh trong lĩnh vực này. Hai nước đã thỏa thuận như sau

Điều 1

Định nghĩa

Theo tinh thần của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" sẽ bao gồm mọi loại tài sản đã được đầu tư liên quan tới hoạt động kinh tế của nhà đầu tư của một Bên ký kết tại lãnh thổ Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật và quy định của Bên đó và sẽ bao gồm, đặc biệt nhưng không chỉ là:

a) Động sản và bất động sản cũng như bất kỳ quyền sở hữu nào khác như thế chấp, cầm cố, cầm giữ và những quyền tương tự khác;

b) Những cổ phần, cổ phiếu, trái khoán của công ty hoặc bất kỳ hình thức tham gia khác trong công ty;

c) Chứng từ đòi tiền hoặc bất kỳ sự thực hiện có giá trị kinh tế gắn với đầu tư;

d) Những quyền về sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền bản quyền, nhãn hiệu thương mại, bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, qui trình công nghệ, bí quyết kỹ thuật (know-how), bí mật thương mại, tên thương mại và đặc quyền kế nghiệp gắn với việc đầu tư;

e) Bất kỳ quyền nào theo pháp luật hoặc theo hợp đồng và theo bất kỳ giấy phép và sự cho phép nào phù hợp với pháp luật, bao gồm tô nhượng về thăm dò, tìm kiếm, nuôi trồng hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Bất kỳ sự thay đổi về hình thức đầu tư đối với tài sản đã đầu tư sẽ không ảnh hưởng tới tính chất của chúng trong việc đầu tư.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" có nghĩa là bất kỳ thể nhân hoặc pháp nhân nào đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

a) Thuật ngữ "thể nhân" có nghĩa là người có quốc tịch của mỗi Bên ký kết phù hợp với pháp luật nước đó;

b) Thuật ngữ "pháp nhân" có nghĩa là liên quan tới mỗi Bên ký kết là bất kỳ thực thể nào được hợp nhất hoặc thành lập và được công nhận như là pháp nhân phù hợp với luật pháp của Bên đó.

3. Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là những khoản thu từ đầu tư và đặc biệt, nhưng không chỉ bao gồm lợi nhuận, lãi tiền cho vay, khoản giá trị gia tăng từ vốn, cổ phần, lãi cổ phần, tiền bản quyền hoặc phí.

Điều 2

Xúc tiến và bảo hộ đầu tư

(1) Phù hợp với pháp luật và quy định của mình, mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho những đầu tư của Bên ký kết kia tiến hành những đầu tư trên lãnh thổ của mình và sẽ thừa nhận những đầu tư như vậy.

(2) Những đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ được đối xử công bằng, thỏa đáng và được bảo hộ đầy đủ và an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trong suốt thời gian đầu tư.

Điều 3

Đối xử tối huệ quốc

(1) Mỗi Bên ký kết sẽ đối xử với đầu tư và thu nhập của nhà đầu tư Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình thật công bằng và thỏa đáng và không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà dành cho những đầu tư và thu nhập của nhà đầu tư bất kỳ nước thứ ba nào.

(2) Mỗi Bên ký kết sẽ đối xử với nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình công bằng và thỏa đáng và không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào liên quan tới việc quản lý, duy trì, thừa hưởng hoặc thanh lý những đầu tư của họ.

(3) Những quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này sẽ không bao hàm nghĩa vụ của một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia bất kỳ ưu đãi, đặc quyền nào mà do Bên ký kết này tham gia:

(a) Bất kỳ liên minh thuế quan hoặc tự do thương mại, một liên minh tiền tệ hoặc những hiệp định quốc tế tương tự khác dẫn tới những liên minh hoặc hợp nhất đó hoặc những hình thức khác của sự hợp tác khu vực mà mỗi Bên ký kết đã hoặc sẽ là thành viên.

(b) Bất kỳ những Hiệp định hoặc thỏa thuận nào liên quan tới toàn bộ hoặc chủ yếu về thuế.

Điều 4

Đền bù thiệt hại

(1) Khi những đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết bị tổn thất do chiến tranh, xung đột vũ trang, tình trạng khẩn cấp toàn quốc, khởi nghĩa, nổi dậy, nổi loạn hoặc những trường hợp tương tự khác trên lãnh thổ của Bên ký kết kia thì sẽ được Bên ký kết đó khôi phục, đền bù, bồi thường, hoặc bằng cách giải quyết khác mà không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

(2) Ngoài những thiệt hại nêu tại khoản (1) Điều này, những nhà đầu tư của một Bên ký kết, người mà trong bất kỳ trường hợp nào nêu tại Khoản (1) Điều này chịu những thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do:

(a) Tài sản của họ bị trưng thu bởi lực lượng vũ trang hoặc những cơ quan có thẩm quyền;

(b) Tài sản của họ bị phá hủy bởi lực lượng vũ trang hoặc những cơ quan có thẩm quyền, mà không phải do hành động vũ trang hoặc không phải do sự cần thiết của tình

thể sẽ được đền bù công bằng và thỏa đáng cho những thiệt hại trong thời gian diễn ra việc trưng thu hoặc hậu quả của việc phá hủy tài sản. Kết quả thanh toán sẽ được chuyển không chậm trễ bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

Điều 5

Tước đoạt quyền sở hữu

(1) Những đầu tư của nhà đầu tư mỗi Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hóa, trưng dụng hoặc những biện pháp tương tự như quốc hữu hóa hoặc trưng dụng (sau đây gọi là "tước đoạt") trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trừ khi vì mục đích công cộng. Sự tước đoạt sẽ được tiến hành theo đúng thủ tục của pháp luật trên cơ sở không phân biệt đối xử và sẽ đi kèm những điều khoản về thanh toán đền bù nhanh chóng, tương đương và có hiệu quả. Sự đền bù đó sẽ theo giá thị trường ngay trước khi tước đoạt hoặc khi việc trưng dụng sắp được phổ biến rộng rãi, sẽ bao gồm cả lãi suất kể từ ngày tước đoạt, sẽ được tiến hành không chậm trễ, có hiệu quả và được tự do chuyển bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

(2) Những đầu tư trên đây sẽ có quyền yêu cầu cơ quan pháp lý hoặc cơ quan có thẩm quyền độc lập khác của Bên ký kết đó xem xét nhanh chóng nhưng trường hợp của họ hoặc về giá trị đầu tư cho phù hợp với những nguyên tắc đặt ra tại Điều này.

(3) Những quy định tại khoản (1) Điều này cũng sẽ áp dụng khi một Bên ký kết tước đoạt tài sản của công ty được thành lập hoặc sát nhập theo pháp luật hiện hành tại lãnh thổ của mình trong đó cổ phần của nhà đầu tư Bên ký kết kia.

Điều 6

Chuyển tiền

(1) Các Bên ký kết sẽ đảm bảo việc chuyển những khoản thanh toán liên quan đến đầu tư và thu nhập. Việc chuyển tiền được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, mà không có sự hạn chế và chậm trễ nào. Việc chuyển tiền đó bao gồm đặc biệt nhưng không chỉ là:

- (a) Vốn và những khoản bổ sung vốn nhằm duy trì hoặc tăng vốn đầu tư;
- (b) Lợi nhuận, lãi cho vay, lãi cổ phần và những thu nhập thường xuyên khác;
- (c) Khoản để trả tiền vay;
- (d) Tiền bản quyền hoặc các khoản phí;
- (e) Thu nhập từ tiền bán hoặc thanh lý đầu tư;

(f) Những thu nhập của thể nhân phù hợp với luật và các quy định của Bên ký kết, nơi mà đầu tư được tiến hành.

(2) Theo tinh thần của Hiệp định này thì tỷ giá chuyển đổi sẽ là tỷ giá chính thức đối với các hoạt động giao dịch vào ngày chuyển tiền, trừ khi có thỏa thuận khác.

Điều 7

Thế quyền

(1) Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được ủy quyền thanh toán cho nhà đầu tư của mình theo một bảo đảm đã được chấp thuận liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận:

(a) Sự chuyển bất kỳ quyền hoặc khiếu nại nào của nhà đầu tư cho Bên ký kết của mình hoặc cơ quan được ủy quyền theo pháp luật hoặc phù hợp với hoạt động giao dịch hợp pháp tại Nước đó.

(b) Bên ký kết của nhà đầu tư hoặc cơ quan được ủy quyền được thế quyền để thực hiện những quyền và khiếu nại của nhà đầu tư đồng thời cũng thực hiện những nghĩa vụ liên quan tới đầu tư.

(2) Quyền thế quyền hoặc khiếu nại sẽ không vượt quá quyền hoặc khiếu nại ban đầu của nhà đầu tư.

Điều 8

Giải quyết tranh chấp giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia

(1) Bất kỳ tranh chấp nào giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết với Bên ký kết kia liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các Bên tranh chấp.

(2) Nếu bất kỳ tranh chấp nào giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết với Bên ký kết kia mà không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng sáu tháng thì nhà đầu tư có quyền đưa vụ tranh chấp đó ra:

(a) Hoặc Tòa án của nước mà đầu tư đó đang thực hiện;

(b) Hoặc trung tâm quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư (ICSID) mà được áp dụng theo các quy định của Công ước giải quyết các tranh chấp về đầu tư giữa Nhà nước và công dân của Nhà nước kia được mở ra để ký tại Washington D.C ngày 18 tháng 3 năm 1965 trong trường hợp cả hai Bên ký kết là thành viên của Công ước; hoặc

(c) Một trọng tài hoặc Tòa án quốc tế adhoc được thành lập theo Qui tắc trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại (UNCITRAL). Các Bên tranh chấp có thể đồng ý bằng văn bản để sửa đổi Qui tắc này. Phán quyết của trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với các bên tranh chấp.

Điều 9

Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết

(1) Những tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu cụ thể, sẽ được giải quyết thông qua tư vấn hoặc thương lượng.

(2) Nếu vụ tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu tháng thì theo yêu cầu của một trong các bên ký kết vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án Trọng tài theo quy định của Điều này.

(3) Tòa án Trọng tài sẽ được thành lập tùy theo từng trường hợp cụ thể theo cách dưới đây. Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu đưa vụ tranh chấp ra trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của Tòa án. Hai thành viên này sẽ chọn công dân của một nước thứ ba mà được hai Bên ký kết chấp thuận bầu làm Chủ tịch Tòa

án trọng tài (sau đây gọi là "Chủ tịch"). Chủ tịch sẽ được bầu trong vòng ba tháng kể từ ngày hai thành viên kia được chỉ định.

(4) Nếu trong thời hạn nêu tại phần 3 của Điều này mà sự chỉ định cần thiết không thực hiện được, thì có thể đề nghị Chủ tịch Tòa án quốc tế tiến hành việc chỉ định. Nhưng nếu Chủ tịch là công dân của một trong các Bên ký kết, hoặc nếu vì cản trở nào khác mà không thực hiện được chức năng như đã nói ở trên, thì Phó Chủ tịch sẽ được mời để tiến hành việc chỉ định. Nếu Phó Chủ tịch cũng là công dân của một trong các bên ký kết hoặc vì cản trở nào khác mà không thực hiện được chức năng như đã nói ở trên thì thành viên có thâm niên cao tiếp theo của Tòa án quốc tế, người mà không phải là công dân của một trong các Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định.

(5) Tòa án trọng tài sẽ quyết định theo đa số phiếu. Quyết định này là bắt buộc. Mỗi Bên ký kết chịu chi phí cho trọng tài viên và người đại diện của mình trong quá trình tố tụng; chi phí cho Chủ tịch và những chi phí khác hai Bên cùng chịu ngang nhau. Tòa án trọng tài sẽ xác định thủ tục tố tụng riêng của mình.

Điều 10

Áp dụng các quy định khác và những cam kết đặc biệt

(1) Khi một vấn đề được quy định tại Hiệp định này và đồng thời được quy định tại hiệp định quốc tế khác mà các Bên ký kết đều là thành viên, thì sẽ không có quy định nào trong Hiệp định này cản trở mỗi Bên ký kết hoặc bất kỳ nhà đầu tư nào của Bên ký kết đó, người mà tiến hành đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia áp dụng những quy định thuận lợi hơn đối với trường hợp của họ.

(2) Nếu một Bên ký kết đối xử đối với nhà đầu tư của Bên ký kết kia theo pháp luật và quy định của mình hoặc theo những quy định đặc biệt khác trong hợp đồng mà thuận lợi hơn sự đối xử theo Hiệp định này thì những quy định thuận lợi hơn đó sẽ được áp dụng.

Điều 11

Áp dụng hiệp định

Những quy định của Hiệp định này sẽ áp dụng đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia kể từ sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 12

Hiệu lực thời hạn và hết hiệu lực

(1) Các Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau về việc đã hoàn thành các thủ tục theo luật định để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày thông báo thứ hai được gửi đi.

(2) Hiệp định này sẽ có hiệu lực mười năm (10) và sẽ tiếp tục có hiệu lực từng 10 năm một, trừ khi một năm trước thời điểm hết hiệu lực giai đoạn đầu tiên hoặc bất kỳ giai đoạn nào sau đó mỗi Bên ký kết thông báo cho Bên kia bằng văn bản về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

(3) Liên quan tới những đầu tư trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực, thì những quy định của Hiệp định này tiếp tục có hiệu lực thêm mười năm nữa kể từ ngày hết hiệu lực của Hiệp định.

Để làm bằng, những người có tên dưới đây được sự ủy quyền hợp thức đã ký vào văn bản Hiệp định.

Làm thành hai bản, tại Varsava ngày 31/8/1994 bằng tiếng Balan, tiếng Việt và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau giữa các bản thì sẽ lấy bản tiếng Anh làm căn cứ chính.